

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2025/DS-ST
Ngày : 26 – 8 – 2025.
V/v “*Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Ngô Thị Quyên**.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Trần Thị Thu Hà**.
Ông **Huỳnh Văn Hồng**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Tấn Thành** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Vĩnh Long không tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 207/2025/TLST - DS ngày 21 tháng 5 năm 2025 về “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2025/QĐXX-ST ngày 04/8/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Công ty cổ phần S Có Ngay**.

Địa chỉ: số A N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An (nay là số A N, Phường T, tỉnh Nghệ An).

Đại diện theo pháp luật: Ông KANOKWATPAISAL NAPAT - Chức vụ: Giám đốc (vắng mặt).

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hoàng K, sinh năm: 1996 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (nay là ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh).

2. Bị đơn: Anh **Trần Quang D** – sinh năm: 1999 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (nay là ấp H, xã H, tỉnh Vĩnh Long).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Hoàng K có đơn xin vắng mặt nhưng tại đơn khởi kiện ngày 28/10/2024 và đơn xin rút một phần đơn khởi kiện ngày 25/8/2025; trong quá trình tham gia tố tụng ông Nguyễn Hoàng K trình bày:

Vào ngày 17/10/2023, anh Trần Quang D và chi nhánh V – Công ty TNHH S1

có ký Hợp đồng mua bán tài sản, đăng ký giao dịch đảm bảo trên hệ thống đăng ký trực tuyến của Cục Đ: Giaodichdambao/botuphap: theo web: [Theo Hợp đồng mua bán đã ký thì Công ty đã tiến hành giao xe cho anh D. Anh D1 sẽ trả dần số tiền mua xe trên trong vòng 12 tháng, với số tiền là 4.682.417đ mỗi tháng như đã thỏa thuận. Anh D1 có nghĩa vụ trả đủ tiền mua xe như đã thỏa thuận giá theo hợp đồng mua bán. Quá trình trả dần số tiền mua xe, anh D1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng cho Công ty. Anh Duy không trả nợ cho Công ty và cũng không trả lại xe mô tô cho Công ty. Tính đến ngày 28/10/2024, anh D1 đã trả cho Công ty cổ phần S Có Ngay số tiền mua xe là 4.177.132đ.](https://dktructuyen.moj.gov.vn/Cụ thể: Tài sản mua bán: 01 xe mô tô hai bánh biển số kiểm soát 64D1-535.53; Loại xe: SH150I; màu: Trắng Bạc Đen; Số khung: RLHKF2510KY029491 - số máy KF26E0118930; Số Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 040891 do Công an huyện V cấp ngày 07/11/2019. Giá bán: 56.189.005đ; thời hạn trả là 12 tháng (từ 17/10/2023 - 17/10/2024), số tiền thanh toán mỗi tháng là 4.682.417đ.</p></div><div data-bbox=)

Tính đến ngày 26/8/2025, anh D1 còn nợ Công ty Cổ phần S Có Ngay số tiền mua xe vốn chưa trả và tiền lãi là 58.511.434đ.

Công ty đã nhiều lần liên hệ qua điện thoại và đến nhà anh D1 nhưng đều không gặp. Công ty đã tạo rất nhiều điều kiện về thời gian để anh D1 trả lại tiền hoặc tài sản là xe mô tô đã mua cho Công ty, nhưng anh D1 không thực hiện mà còn trốn tránh, không trả lại tài sản của Công ty.

Nay Công ty cổ phần S Có Ngay yêu cầu anh Trần Quang D phải có nghĩa vụ trả lại cho Công ty Cổ Phần S Có Ngay số tiền mua xe còn nợ tính từ ngày 17/11/2023 đến ngày 26/8/2025 là 58.511.434đ (trong đó tiền mua xe vốn còn nợ: 36.707.298đ, tiền lãi trong hạn là 8.721.654đ, lãi quá hạn là 13.082.482đ).

Trường hợp anh Trần Quang D không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ số tiền nêu trên, yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản bảo đảm là xe mô tô hai bánh biển kiểm soát: 64D1-535.53, nhãn hiệu SH150I, màu Trắng Bạc Đen, số khung: RLHKF2510KY029491, số máy: KF26E0118930. Ngoài ra anh D còn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh do chậm trễ thanh toán theo Hợp đồng mua bán đã ký kết ngày 17/10/2023 cho đến khi thanh toán xong nợ. Nay Công ty cổ phần S Có Ngay rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với anh D, chỉ yêu cầu anh D trả số tiền số tiền mua xe còn nợ tính từ ngày 17/11/2023 đến ngày 26/8/2025 là 58.511.434đ (trong đó tiền mua xe vốn còn nợ: 36.707.298đ, tiền lãi trong hạn là 8.721.654đ, lãi quá hạn là 13.082.482đ). Theo lãi suất trong hạn là 1,1%/tháng, lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất của số tiền nợ gốc quá hạn. Không yêu cầu anh D chịu phí phát sinh theo hợp đồng mua bán xe ngày 17/10/2023, không yêu cầu xử lý tài sản của anh D là xe mô tô hai bánh biển kiểm soát: 64D1-535.53.

Bị đơn anh Trần Quang D đã được Tòa án tiến hành tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng anh D không đến Tòa án để tham gia tố tụng nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

Nguyên đơn Công ty cổ phần S Có Ngay có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long (nay là Tòa án nhân dân khu vực 4 – Vĩnh Long) giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản giữa Công ty cổ phần S Có Ngay và bị đơn anh D. Anh Duy có nơi cư trú tại ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (nay là ấp H, xã H, tỉnh Vĩnh Long). Theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025; Điều 3, khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông K có đơn xin vắng mặt các phiên tòa xét xử sơ thẩm nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông K. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh D vắng mặt, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho anh D đến lần thứ hai nhưng anh D vẫn vắng mặt không có lý do. Nên căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025 Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh D.

[2] Về nội dung vụ án:

Hợp đồng mua bán tài sản giữa Công ty cổ phần S Có Ngay và anh D được thiết lập dựa trên sự tự nguyện giữa đôi bên nên hợp đồng này phù hợp theo quy định của pháp luật.

Tại giấy bán xe ngày 17 tháng 10 năm 2023 thể hiện anh Trần Quang D đang là chủ sở hữu chiếc xe biển số 64D1-535.53 nhãn hiệu HONDA, số loại SH150I, màu sơn trắng bạc đen, số máy KF26E0118930, số khung RLHKF2510KY029491. Anh Duy bán xe biển số 64D1-535.53 cho Chi nhánh V 04 – Công ty TNHH S1 với số tiền là 34.989.875đ. Sau cùng chỗ mục người bán có anh D ký tên và ghi họ tên của anh D, chỗ mục đại diện công ty thì người đại diện Chi nhánh V 04 – Công ty TNHH S1 ký, đóng dấu.

Tại hợp đồng mua bán xe ngày 17 tháng 10 năm 2023 tại Chi nhánh V 04 – Công ty TNHH S1, bên bán (gọi tắt là bên A) là Chi nhánh V 04 – Công ty TNHH S1, người đại diện ủy quyền bà Nguyễn Thị Diễm M, chức vụ: Nhân viên Hỗ trợ vận hành, bên mua (gọi tắt là bên B) anh Trần Quang D, sinh ngày 10/8/1999, địa chỉ thường trú ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (nay là ấp H, xã H, tỉnh Vĩnh Long). Đối tượng hợp đồng: Chi nhánh V – Công ty TNHH S1 đồng ý bán cho anh Trần Quang D chiếc xe máy mang biển số 64D1-535.53 nhãn hiệu HONDA, số loại SH150I, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe số 040891 do Phòng Cảnh sát giao thông, Công an tỉnh V cấp ngày 07/11/2019, có các đặc điểm xe sau đây: màu sơn trắng bạc đen, số máy KF26E0118930, số khung RLHKF2510KY029491. Giá mua bán hai bên thỏa thuận là 56.189.005đ. Anh Duy sẽ thanh toán trong vòng 12 tháng, mỗi tháng trả là 4.682.417đ. Trường hợp khách hàng không thanh toán đúng hạn, khách hàng phải trả phí yêu cầu thanh toán mỗi tháng là 4% trên dư nợ thực tế đã quá hạn và thời gian, địa điểm giao nhận; quyền và nghĩa vụ của bên bán; quyền và nghĩa vụ của bên mua; cam kết chung. Sau cùng chỗ mục Bên A thì người đại diện Chi nhánh V 04 – Công ty TNHH S1 ký, đóng dấu còn chỗ mục Bên B có anh D ký tên và ghi họ tên của anh D.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng mua bán xe anh D đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng theo cam kết trong hợp đồng mua bán xe, anh D đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng cho Công ty từ ngày 17/11/2023. Từ ngày 17/10/2023 đến nay thì anh D chỉ thanh toán cho Công ty số tiền mua xe là 4.177.132đ.

Ngày 25/8/2025 Công ty cổ phần S Có Ngay rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với anh D, chỉ yêu cầu anh D trả số tiền mua xe tính đến ngày 26/8/2025 là 58.511.434đ (trong đó tiền mua xe vốn còn nợ: 36.707.298đ, tiền lãi trong hạn là 8.721.654đ, lãi quá hạn là 13.082.482đ), không yêu cầu tính phí mỗi tháng là 4% trên dư nợ thực tế đã quá hạn theo hợp đồng mua bán xe ngày 17/10/2023, không yêu cầu xử lý tài sản của anh D là xe mô tô hai bánh biển kiểm soát: 64D1-535.53.

Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S Có Ngay là có cơ sở thể hiện qua lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông K, cùng các chứng cứ có trong hồ sơ vụ kiện nên căn cứ vào Điều 430, 440 của Bộ luật dân sự Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S Có Ngay. Buộc anh Trần Quang D phải có nghĩa vụ trả lại cho Công ty cổ phần S Có Ngay tiền mua xe đến ngày 26/8/2025 là 58.511.434đ (trong đó tiền mua xe vốn còn nợ: 36.707.298đ, tiền lãi trong hạn là 8.721.654đ, lãi quá hạn là 13.082.482đ).

Đình chỉ đối với yêu cầu của Công ty cổ phần S Có Ngay về việc yêu cầu tính phí mỗi tháng là 4% trên dư nợ thực tế đã quá hạn theo hợp đồng mua bán xe ngày 17/10/2023 và yêu cầu xử lý tài sản của anh D là xe mô tô hai bánh biển kiểm soát: 64D1-535.53.

[3] Án phí sơ thẩm: Buộc anh D phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.926.000đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26; Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025; Điều 430, Điều 431, Điều 433, Điều 434, Điều 440, Điều 453, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S do ông Nguyễn Hoàng K đại diện theo ủy quyền.

2. Buộc anh Trần Quang D phải có nghĩa vụ trả lại cho Công ty cổ phần S Có Ngay tiền mua xe tính đến ngày 26/8/2025 là 58.511.434đ (Năm mươi tám triệu năm trăm mười một nghìn bốn trăm ba mươi bốn đồng) ((trong đó tiền mua xe vốn còn nợ: 36.707.298đ (Ba mươi sáu triệu bảy trăm lẻ bảy nghìn hai trăm chín mươi tám đồng), tiền lãi trong hạn là 8.721.654đ (Tám triệu bảy trăm hai mươi một nghìn sáu trăm năm mươi bốn đồng), lãi quá hạn là 13.082.482đ (Mười ba triệu không trăm tám mươi hai nghìn bốn trăm tám mươi hai đồng)).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành án xong, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả lãi theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Đình chỉ đối với yêu cầu của Công ty cổ phần S Có Ngay về việc yêu cầu anh Trần Quang D trả phí mỗi tháng là 4% trên dư nợ thực tế đã quá hạn theo hợp đồng mua bán xe ngày 17/10/2023 và yêu cầu xử lý tài sản của anh Trần Quang D là xe mô tô hai bánh biển kiểm soát: 64D1-535.53.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Buộc anh Trần Quang D phải nộp án phí là 2.926.000đ (Hai triệu chín trăm hai mươi sáu nghìn đồng).

+ Công ty cổ phần S Có Ngay không phải nộp án phí. Hoàn trả lại cho Công ty cổ phần S Có Ngay số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.503.000đ (Một triệu năm trăm lẻ ba nghìn đồng) theo biên lai thu số N⁰ 0010164 ngày 21/5/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 4 – Vĩnh Long).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 4 – Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Ngô Thị Quyên